TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 4 năm 2024.
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hòa và ông Trần Văn Thành.
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Thanh H, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh Tạ Xuân T, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.
(Chị H, anh T đều đề nghị xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Tạ Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/01/1999 tại UBND xã T, huyện S (nay là huyện C), tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn cãi vã nhau trong cuộc sống và không còn tình cảm yêu thương nhau. Khi mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không thể khắc phục được. Từ tháng 11/2023 vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Tạ Quang H1 sinh ngày

29/3/2000 và cháu Tạ Minh H2, sinh ngày 08/11/2008. Cháu H1 đã chết nên chị không yêu cầu giải quyết. Hiện nay cháu H2 đang ở cùng chị, khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

2, Phía bị đơn anh Tạ Xuân T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án báo anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T không đến. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/04/2024 anh T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng đúng như chị H trình bày. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không bảo ban được nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Tháng 11/2023 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh nữa, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Tạ Quang H1 sinh ngày 29/3/2000 và cháu Tạ Minh H2, sinh ngày 08/11/2008. Cháu H1 đã chết nên anh không yêu cầu giải quyết. Hiện nay cháu H2 đang ở cùng chị H, nguyện vọng của cháu H2 xin được ở với chị H nên khi ly hôn anh nhất trí giao cháu H2 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung do chị H tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh T không yêu cầu giải quyết.

3, Nguyện vọng của cháu Tạ Minh H2: Tại bản tự khai ngày 05/02/2024 cháu H2 đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Tuy Lộc ngày 05/04/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/01/1999 tại UBND xã T, huyện S (nay là huyện C), tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng và do không hợp nhau nên chung sống không hạnh phúc. Từ tháng 11/2023 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh T nữa, anh chị không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì. Đối với bị đơn được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên họp không có lý do đã vi phạm quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị Thanh H và anh Tạ Xuân T.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Tạ Minh H2, sinh ngày 08/11/2008 cho chị Phùng Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Tạ Xuân T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị H tự nguyện không yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Đối với cháu Tạ Quang H1 sinh ngày 29/3/2000(đã chết). Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phùng Thị Thanh H phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004785 ngày 18/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm khê, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị H 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Tạ Xuân T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Tạ Xuân T có hộ khẩu thường trú tại khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị H, anh T đều có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, T1 án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T, huyện S (nay là huyện C), tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 28/01/1999, nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa chị H, anh T đã

có vết rạn nứt. Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn cãi vã nhau trong cuộc sống và không còn tình cảm yêu thương nhau. Khi mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không thể khắc phục được. Từ tháng 11/2023 vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Phía anh T xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không bảo ban được nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Tháng 11/2023 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh nữa, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai nên anh nhất trí ly hôn với chị H. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc. Chị H xin ly hôn, anh T nhất trí thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Tạ Quang H1 sinh ngày 29/3/2000 và cháu Tạ Minh H2, sinh ngày 08/11/2008. Cháu H1 đã chết nên anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu H2, hiện nay đang ở cùng chị H, khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh T anh nhất trí giao cháu H2 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung do chị H tự nguyện không yêu cầu. Nguyện vọng của cháu H2 đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ. Xét yêu cầu của anh, chị về việc thỏa thuận giao con chung và thoả thuận không phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H, anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị Thanh H và anh Tạ Xuân T.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Tạ Minh H2, sinh ngày 08/11/2008 cho chị Phùng Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

d□ỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Tạ Xuân T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị H tự nguyện không yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Đối với cháu Tạ Quang H1 sinh ngày 29/3/2000(đã chết). Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Phùng Thị Thanh H phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004785 ngày 18/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm khê, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị H 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Tạ Xuân T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu H3